

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA**

Số: 3351 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Thanh Hóa, ngày 06 tháng 10 năm 2022

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua vật tư y tế bổ sung tại  
Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân năm 2022**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;*

*Căn cứ Luật quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;*

*Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và đầu tư quy định chi tiết về Kế hoạch lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017 của Bộ Y tế Ban hành Danh mục và tỷ lệ, điều kiện thanh toán đối với vật tư y tế thuộc phạm vi được hưởng của người tham gia bảo hiểm y tế;*

*Căn cứ Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân tại Tờ trình số 612/TTr-BVĐK ngày 4/10/2022; kèm theo Báo cáo Thẩm định số 42/BC-TTĐ ngày 29/9/2022 của Sở Y tế về việc thẩm định gói thầu Mua sắm vật tư y tế bổ sung tại bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân năm 2022 và hồ sơ liên quan.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu mua vật tư y tế bổ sung tại Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân năm 2022, gồm các nội dung sau:

1. Tên gói thầu: Mua vật tư y tế bổ sung tại Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân năm 2022.

2. Chủ đầu tư: Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân.

3. Phân chia gói thầu: Toàn bộ danh mục các mặt hàng là 01 gói thầu.

Việc phân nhóm thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập (*chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

4. Giá dự toán gói thầu: 612.546.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu trăm mười hai triệu, năm trăm bốn mươi sáu ngàn đồng*).

Giá gói thầu là tổng giá trị của các mặt hàng trong gói thầu.

Giá các mặt hàng trúng thầu đã bao gồm: Thuế VAT, chi phí vận chuyển tới kho VTYT của Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân.

Danh mục, số lượng, chủng loại, đơn giá các mặt hàng vật tư y tế, tại Phụ lục kèm theo Báo cáo thẩm định số 42/BC-TTĐ ngày 29/09/2022 của Tổ Thẩm định Sở Y tế tỉnh Thanh Hóa.

5. Nguồn vốn: Nguồn quỹ Bảo hiểm y tế, nguồn thu dịch vụ y tế và các nguồn kinh phí hợp pháp khác của Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân.

6. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Mua sắm trực tiếp.

7. Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn một túi hồ sơ.

8. Thời gian tổ chức đấu thầu: Ngay sau khi KHLCNT được phê duyệt.

9. Thời gian thực hiện hợp đồng: 06 tháng kể từ khi ký hợp đồng.

10. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Số lượng trong gói thầu là số lượng dự kiến sử dụng; Số lượng thanh toán cho nhà thầu chỉ là số lượng thực tế Bệnh viện mua theo dự trù sử dụng hàng tháng. Số lượng mua cụ thể chỉ được thực hiện trong thời gian hợp đồng có hiệu lực.

11. Tổ chuyên gia xét thầu, Tổ thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu: Giao chủ đầu tư tự quyết định theo quy định của Luật Đấu thầu và tự chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

**Điều 2.** Chủ đầu tư (Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân) chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về tính chính xác đối với danh mục, dự toán, kết quả thẩm định và trình tự, thủ tục tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu nêu trên theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật; báo cáo kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như điều 3QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Lưu: VT, VXsl.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đào Thanh Tùng**

**PHỤ LỤC**

**Mua vật tư y tế bổ sung tại Bệnh viện đa khoa huyện Thường Xuân năm 2022**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Mã hàng hóa (theo QĐ trúng thầu áp dụng)	Mã TT 04/2 017	Mã số mời thầu (của đơn vị)	Nhóm TCKT theo TT 14/202 0	Tên vật tư y tế mời thầu	Yêu cầu kỹ thuật	Quy tắc đóng gói	Hãng/nước sản xuất	ĐVT	Giá KK	Mã KK	Giá trúng thầu	Quyết định trúng thầu	Số lượng trúng thầu/ được phân bổ tại Bệnh viện	Nhà thầu trúng thầu	Thông tin hợp đồng (số HĐ, ngày ký HĐ)	Số lượng sử dụng từ 14/10/2 021 đến 15/8/20 22	Số lượng đề nghị MSTT	Giá dự kiến	Thành tiền dự kiến
1	G1	N01 .02. 050	V1	Nhóm 3	STERAN IOS 2%	2% Glutaraldehyde, khử khuẩn mức độ cao dụng cụ nội soi và các dụng cụ không chịu nhiệt. Dung dịch pha sẵn không cần hoạt hóa. pH = 6. Diệt khuẩn, diệt nấm, diệt virus và diệt Mycobacteria trong 10 phút.	5 lít/can	Labora toires Anios - Pháp	Lít	114,000	KKG-0412-00091	80,500	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	20	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	33/2021/VTYT ngày 19/10/2021	20	15	80,500	1,207,500
2	G44.1		V2	Nhóm 3	Kim lấy thuốc số 18G	Kim lấy thuốc số 18G Vành có ngạnh khóa , kim làm bằng thép không rỉ, đầu kim cắt vát 11±2°C, Chuôi làm bằng nhựa Polypropyle, tiệt trùng EtO, không độc, không gây sốt, kim phủ silicone. Các số 18Gx1,5"; 20G x1,5"; 23Gx1,25";	100 cái/ hộp	Van Oostve en Medica l B.V./H à Lan	Cái	733	KKG-0029-00126	398	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	10000	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	33/2021/VTYT ngày 19/10/2021	10000	7000	398	2,786,000
3	G200	N07 .01. 500	V3	Nhóm 3	Phim X-quang khô y tế DI-HL 35x43cm	Phim X- quang laser kích thước 35*43 cm. Độ nhạy và độ tương phản được thiết kế phù hợp với hệ thống in phim khô laser Fuji. Mật độ quang tối đa 3.3.	100 tờ/ Hộp	FujiFIL m/ Nhật Bản	Tờ	43,000	KKG-0422-00044	39,000	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	3000	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	33/2021/VTYT ngày 19/10/2021	3000	2000	39,000	78,000,000
4	V1	N01 .01. 010	V4	Nhóm 5	Bông y tế hút nước Asean	Bông hút nước y tế 100% bông xơ thiên nhiên, thành phần chính CELLULOSE.* Chi tiêu chất lượng:1/ Các sợi khác: Không có sợi nào nhuộm màu2/ Chất màu chiết được: Dung dịch màu trắng đến vàng nhạt3/ Chất tan trong ether: không quá 0.5% KL4/ Chất tan trong nước: Không quá 0.5% KL5/ Mật khối lượng đo sấy khô: không quá 8% KL6/ Tro sulfat: Không quá 0.4% KL7/ Tốc độ thấm hút: ≤8.0 giây	1 kg/ túi	Công ty cổ phần dược phẩm Asean/ Việt nam	Kg	200,000	KKG-1091-00019	112,500	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	150	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	33/2021/VTYT ngày 19/10/2021	150	100	112,500	11,250,000

5	V28	N02 .03. 020	V5	Nhóm 5	Bông gạc đắp vết thương 6cm x 15cm	Gạc đắp vết thương kích thước 6x15cm, .Đóng gói bằng túi giấy y tế chuyên dụng có tem chỉ thị màu để phân biệt độ tệt trùng của sản phẩm. Tiết trùng bằng khí EO; Không có hóa chất tẩy trắng; Thời gian chìm không quá 10 giây; Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên.	1 miếng/ gói	An Lành- Việt Nam	Miến g	1,880	KKG- 0589- 00209	1,200	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	20000	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	33/2021/ VTYT ngày 19/10/202 1	20000	15000	1,200	18,000,000
6	V43	N03 .01. 060	V6	Nhóm 5	Bơm tiêm khoảng chết thấp sử dụng một lần 1ml (dùng tiêm insulin) Vikimco	Bơm tiêm được làm bằng nhựa PP dùng trong y tế, không có chất DEHP. Dung tích 1ml, cỡ kim 27Gx5/8", 29 G x 1/2", 30Gx1/2". Khoảng chết thấp ≤ 0,035ml. Sản phẩm đóng gói trong túi riêng đảm bảo vô trùng, tiệt trùng bằng khí E.O, không có độc tố và chất gây sốt.	Hộp 100 cái	Công ty cổ phần dược phẩm Cửu Long/ Việt nam	Cái	3,500	KKG- 1481- 00025	1,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	80000	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	33/2021/ VTYT ngày 19/10/202 1	80000	80000	1,000	80,000,000
7	V53	N03 .05. 030	V7	Nhóm 5	Dây truyền máu SANGO FIX ES SLIM SPIKE LL 180CM	Dây truyền máu có công kết nối vận xoắn luer lock. Có chức năng đuổi khí tự động. Màng lọc tiêu phân 200 micromet, diện tích màng lọc 11cm2, dây dài 180cm. Chịu áp suất tối đa 400mmHg (0.5 bar). Không chứa DEHP, không kim	Túi 10 bộ	B.Brau n/ Việt Nam	Bộ	25,666	KKG- 0390- 00225	24,500	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	20	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	33/2021/ VTYT ngày 19/10/202 1	20	15	24,500	367,500
8	V65	N04 .01. 080	V8	Nhóm 5	Dây thở oxy ECO sơ sinh, trẻ em, người lớn	Các cỡ XS, S, M, L. Dây dẫn chính có chiều dài 2m lòng ống dẫn được thiết kế có rãnh chống gãy gấp, được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Không chứa độc tố DEHP.	01 cái/ túi	MPV/ Việt Nam	Cái	7,000	KKG- 0023- 00129 KKG- 0023- 00131 KKG- 0023- 00133	4,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	300	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	33/2021/ VTYT ngày 19/10/202 1	300	150	4,000	600,000
9	K85	N05 .02. 040	V9	Nhóm 6	Chỉ phẫu thuật Origut số 2/0	Chỉ Catgut Plain số 2/0 dài 75cm, kim tròn 1/2C 26mm. Thời gian tiêu hoàn toàn trong 65 ngày. Kim phủ Silicon và làm bằng chất liệu thép không rỉ. Độ bền được duy trì 7 đến 14 ngày.	12 sợi/ hộp	Orion Sutures (India) Pvt Ltd/ Ấn Độ	Sợi	30,000	KKG- 0622- 00025	20,250	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	480	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	33/2021/ VTYT ngày 19/10/202 1	480	300	20,250	6,075,000

10	<b>K42</b>	N03.04.010	V10	Nhóm 6	Kim châm cứu các số	Kim có cán đồng có khuyên, thân kim sử dụng thép chuyên dụng, dẫn điện tốt. Được đóng gói Vô trùng. Kích thước 0,30mmx13mm; 0,30mmx25mm; 0,30mmx40mm; 0,3mmx50mm; 0,3mmx60mm; 0,3mmx75mm 0,25mmx25mm; 0,25mmx50mm; 0,25mmx40mm; 0,25mmx75mm 0,22mmx25m	100 cái/ Hộp	Gushi Zhenzheng Medical device/ Trung Quốc	Cái	650	KKG-1779-00001 đến KKG-1779-00007	318	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	230000	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	33/2021/VTYT ngày 19/10/2021	230000	150000	318	47,700,000
11	<b>G57</b>	N03.05.010	V11	Nhóm 3	Bộ dây truyền dịch MPV kim 2 cánh bướm	Kèm kim 2 cánh bướm. Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5$ ml. Có bầu cao su tiếp thuốc không chứa DEHP. Có chứng nhận không có thành phần gây tan huyết. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập; Độ dài dây dẫn $\geq 1500$ mm.	01 bộ/ túi	MPV/ Việt Nam	Bộ	7,000	KKG-0023-00085	4,500	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	28000	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	33/2021/VTYT ngày 19/10/2021	28000	28000	4,500	126,000,000
12	<b>G58</b>	N03.05.010	V12	Nhóm 3	Bộ dây truyền dịch ECO	Gắn kim các loại. Van khoá điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5$ ml. Có bầu cao su tiếp thuốc không chứa DEHP. Có chứng nhận không có thành phần gây tan huyết. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gập khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1500$ mm.	01 bộ/ túi	MPV/ Việt Nam	Bộ	5,500	KKG-0023-00095	3,500	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	2000	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	33/2021/VTYT ngày 19/10/2021	2000	2000	3,500	7,000,000
13	<b>KB15 0.1.1</b>		V13	Nhóm 6	Nẹp khóa mắt xích 6 lỗ	Số lỗ trên thân nẹp: 6 lỗ; tương ứng dài s72mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	1 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/ Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	4,120,000	KKG-0057-00098	3,485,000	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	6	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cẩm Chương	01/HĐ/2022/HCC-BVDKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	6	6	3,485,000	20,910,000
14	<b>KB15 0.1.2</b>		V14	Nhóm 6	Nẹp khóa mắt xích 8 lỗ	- Nẹp dày 3mm; rộng: 10mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm; Số lỗ trên thân nẹp: phải 8 lỗ; tương ứng dài 96mm- Đồng bộ với vít	1 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi	Cái	4,120,000	KKG-0057-00100	3,485,000	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày	3	Công ty cổ phần thiết bị y tế và	01/HĐ/2022/HCC-BVDKT	3	3	3,485,000	10,455,000

					khóa cùng hãng sản xuất- Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)		Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ				14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	thương mại Hoa Cẩm Chương	Xngày 18 tháng 10 năm 2021						
15	<b>KB15 0.1.3</b>		V15	Nhóm 6	Nẹp khóa mắt xích 10 lỗ - Nẹp dày 3mm; rộng: 10mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm; Số lỗ trên thân nẹp: 10 lỗ; tương ứng dài 120mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	1 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	4,120,000	KKG-0057-00102	3,485,000	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	2	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cẩm Chương	01/HĐ/2022/HCC-BVDKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	2	2	3,485,000	6,970,000
16	<b>KB15 0.2.1</b>		V16	Nhóm 6	Vít khóa tự taro 3.5 dài 16mm - kiểu vít tự taro, ren toàn phần - đường kính ren 3.5mm dài 16mm; đường kính mũ vít lục giác 5.5mm - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	10 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	440.000	KKG-0057-00134	300,000	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	36	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cẩm Chương	01/HĐ/2022/HCC-BVDKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	36	36	300,000	10,800,000
17	<b>KB15 0.2.2</b>		V17	Nhóm 6	Vít khóa tự taro 3.5 dài 18mm - kiểu vít tự taro, ren toàn phần - đường kính ren 3.5mm dài 18mm; đường kính mũ vít lục giác 5.5mm - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	10 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	440.000	KKG-0057-00135	300,000	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	24	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cẩm Chương	01/HĐ/2022/HCC-BVDKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	24	24	300,000	7,200,000
18	<b>KB15 0.2.3</b>		V18	Nhóm 6	Vít khóa tự taro 3.5 dài 20mm - kiểu vít tự taro, ren toàn phần - đường kính ren 3.5mm dài 20mm; đường kính mũ vít lục giác 5.5mm - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	10 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	440.000	KKG-0057-00136	300,000	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	20	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cẩm Chương	01/HĐ/2022/HCC-BVDKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	20	20	300,000	6,000,000
19	<b>KB15 7.1.1</b>		V19	Nhóm 6	Nẹp khóa bán rộng 8 lỗ - Nẹp dày 5.0mm; rộng 16mm; khoảng cách lỗ nẹp 18mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 8lỗ; tương ứng dài 135mm- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất- Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	1 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	6.000.000	KKG-0057-00448	4,995,000	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	1	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cẩm Chương	01/HĐ/2022/HCC-BVDKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	1	1	4,995,000	4,995,000

20	<b>KB15 7.1.2</b>		V20	Nhóm 6	Nẹp khóa bán rộng 9 lỗ	- Nẹp dày 5.0mm; rộng 16mm; khoảng cách lỗ nẹp 18mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 9 lỗ; tương ứng dài 151mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất -Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	1 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	6.000.00 0	KKG- 0057- 00449	4,995,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	1	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chường	01/HĐ/20 22/HCC- BVĐKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	1	1	4,995,000	4,995,000
21	<b>KB15 7.1.3</b>		V21	Nhóm 6	Nẹp khóa bán rộng 10 lỗ	- Nẹp dày 5.0mm; rộng 16mm; khoảng cách lỗ nẹp 18mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 10 lỗ; tương ứng dài 167mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	1 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	6.000.00 0	KKG- 0057- 00450	4,995,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	2	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chường	01/HĐ/20 22/HCC- BVĐKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	2	2	4,995,000	9,990,000
22	<b>KB15 7.1.4</b>		V22	Nhóm 6	Nẹp khóa bán rộng 12 lỗ	- Nẹp dày 5.0mm; rộng 16mm; khoảng cách lỗ nẹp 18mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 12 lỗ; tương ứng dài 199mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	1 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	6.000.00 0	KKG- 0057- 00452	4,995,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	2	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chường	01/HĐ/20 22/HCC- BVĐKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	2	2	4,995,000	9,990,000
23	<b>KB15 7.2.1</b>		V23	Nhóm 6	Vít khóa tự taro 5.0 dài 30mm	- kiểu vít tự taro, ren toàn phần- đường kính ren 5.0mm; đường kính mũ vít lục giác 6.8mm- chiều dài 30mm- Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	10 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	560.000	KKG- 0057- 00527	415,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	8	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chường	01/HĐ/20 22/HCC- BVĐKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	8	8	415,000	3,320,000
24	<b>KB15 7.2.2</b>		V24	Nhóm 6	Vít khóa tự taro 5.0 dài 32mm	- kiểu vít tự taro, ren toàn phần - đường kính ren 5.0mm; đường kính mũ vít lục giác 6.8mm - chiều dài 32mm - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	10 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	560.000	KKG- 0057- 00528	415,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	9	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chường	01/HĐ/20 22/HCC- BVĐKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	9	9	415,000	3,735,000
25	<b>KB15 7.2.3</b>		V25	Nhóm 6	Vít khóa tự taro 5.0 dài 34mm	- kiểu vít tự taro, ren toàn phần - đường kính ren 5.0mm; đường kính mũ vít lục giác 6.8mm - chiều dài 34mm - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	10 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San.	Cái	560.000	KKG- 0057- 00529	415,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y	20	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa	01/HĐ/20 22/HCC- BVĐKT X ngày 18	20	20	415,000	8,300,000



					Ni)		Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ					tế Thanh Hóa	Cầm Chương	tháng 10 năm 2021						
26	<b>KB15 7.2.4</b>		V26	Nhóm 6	Vít khóa tự taro 5.0 dài 36mm	- kiểu vít tự taro, ren toàn phần - đường kính ren 5.0mm; đường kính mũ vít lục giác 6.8mm - chiều dài 36mm - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	10 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	560.000	KKG- 0057- 00530	415,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	24	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chương	01/HĐ/20 22/HCC- BVĐKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	24	24	415,000	9,960,000
27	<b>KB15 8.1.1</b>		V27	Nhóm 6	Nẹp khóa bán hẹp 6 lỗ	Nẹp dày: Q1650; rộng S1652; khoảng cách lỗ nẹp 18mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 6 lỗ; tương ứng dài 128.6mm- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất- Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	1 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	4,120,00 0	KKG- 0057- 00436	4,120,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa; Công văn số 1604/SYT- QLD, ngày 22 tháng 4 năm 2022	5	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chương	01/HĐ/20 22/HCC- BVĐKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	5	5	4,120,000	20,600,000
28	<b>KB15 8.1.2</b>		V28	Nhóm 6	Nẹp khóa bán hẹp 7 lỗ	- Nẹp dày: 4.0mm; rộng 13.5mm; khoảng cách lỗ nẹp 18mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 7 lỗ; tương ứng dài 146.6mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	1 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	4,120,00 0	KKG- 0057- 00438	4,120,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa; Công văn số 1604/SYT- QLD, ngày 22 tháng 4 năm 2022	2	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chương	01/HĐ/20 22/HCC- BVĐKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	2	2	4,120,000	8,240,000
29	<b>KB15 8.2.1</b>		V30	Nhóm 6	Vít khóa tự taro 5.0 dài 30mm	- kiểu vít tự taro, ren toàn phần - đường kính ren 5.0mm; đường kính mũ vít lục giác 6.8mm - chiều dài 30mm - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	10 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	560.000	KKG- 0057- 00527	415,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	30	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chương	01/HĐ/20 22/HCC- BVĐKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	30	30	415,000	12,450,000
30	<b>KB15 8.2.2</b>		V31	Nhóm 6	Vít khóa tự taro 5.0 dài 32mm	- kiểu vít tự taro, ren toàn phần- đường kính ren 5.0mm; đường kính mũ vít lục giác 6.8mm- chiều dài 32mm- Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	10 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San.	Cái	560.000	KKG- 0057- 00528	415,000	Quyết định số 1046/QĐ- SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y	14	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa	01/HĐ/20 22/HCC- BVĐKT X ngày 18 tháng 10	14	14	415,000	5,810,000

								Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ					tế Thanh Hóa		Cầm Chương	năm 2021				
31	<b>KB16 0.1.1</b>		V33	Nhóm 6	Nẹp khóa lồng máng 6 lỗ	- Nẹp dày 1.5mm; rộng: 10mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 6 lỗ; tương ứng dài 78mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	1 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2,920,000	KKG-0057-00088	2,920,000	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa; Công văn số 1604/SYT-QLD, ngày 22 tháng 4 năm 2022	5	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chương	01/HĐ/2022/HCC-BVDKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	5	5	2,920,000	14,600,000
32	<b>KB16 0.1.2</b>		V34	Nhóm 6	Nẹp khóa lồng máng 8 lỗ	- Nẹp dày 1.5mm; rộng: 10mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 8 lỗ; tương ứng dài 102mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	1 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	2,920,000	KKG-0057-00090	2,920,000	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa; Công văn số 1604/SYT-QLD, ngày 22 tháng 4 năm 2022	3	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chương	01/HĐ/2022/HCC-BVDKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	3	3	2,920,000	8,760,000
33	<b>KB16 0.2.1</b>		V35	Nhóm 6	Vít khóa tự taro 3.5 dài 16mm	- kiểu vít tự taro, ren toàn phần- đường kính ren 3.5mm dài 16mm; đường kính mũ vít lục giác 5.5mm- Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	10 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	440,000	KKG-0057-00134	300,000	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	24	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chương	01/HĐ/2022/HCC-BVDKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	24	24	300,000	7,200,000
34	<b>KB16 0.2.2</b>		V36	Nhóm 6	Vít khóa tự taro 3.5 dài 18mm	- kiểu vít tự taro, ren toàn phần- đường kính ren 3.5mm dài 18mm; đường kính mũ vít lục giác 5.5mm- Chất liệu thép không gỉ (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)	10 cái / túi	Aysam Ortope di ve Tibbi Aletler San. Tic. Ltd. Sti/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	440,000	KKG-0057-00135	300,000	Quyết định số 1046/QĐ-SYT, ngày 14/10/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	24	Công ty cổ phần thiết bị y tế và thương mại Hoa Cầm Chương	01/HĐ/2022/HCC-BVDKT X ngày 18 tháng 10 năm 2021	24	24	300,000	7,200,000
35	<b>V86</b>	N05 .02. 040	V39	Nhóm 5	Chi Caresorb Plus (Polyglactin 910 có kháng	Polyglactin 910 có kháng khuẩn Chlorhexidine Diacetate. Lớp bao phủ Poly (glycolide-co-lactide) (30:70) - Glacomer 370, calcium stearate và Chlorhexidine Diacetate ≤	H / 36 Sợi (tép)	CPT/ Việt Nam	Lá	107,100	KKG-0789-00582	65,000	Quyết định số 1134/QĐ-SYT, ngày 17/11/2021 của Sở Y	180	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	Phụ lục hợp đồng số 33-PL/2021/VTYT ngày 22	180	180	65,000	11,700,000

					khuẩn) số 1	60µg/m. Kim thép không rỉ, phủ silicon. Chi số 1, dài 90 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Tiêu hoàn toàn trong khoảng thời gian 56-70 ngày; Sức căng còn 75% sau 2 tuần, 50% sau 3 tuần Giữ vết khâu tốt trong vòng 30 ngày.						tế Thanh Hóa			tháng 11 năm 2021. Của hợp đồng số 33/2021/VTYT ngày 19/10/2021					
36	V87	N05.02.040	V40	Nhóm 5	Chi Caresorb số 2/0	Chi tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Chất liệu 90% glycolide và 10% L-lactide, cấu trúc đa sợi bện, lớp bao phủ Poly(glycolide-co-lactide)(30:70) và Calcium stearate, duy trì sức căng 75% sau 2 tuần và 50% sau 3 tuần, độ tan 56-70 ngày. Kim thép không rỉ phủ silicon .	H / 36 Sợi (tép)	CPT/ Việt Nam	Lá	103,950	KKG-0789-00577	57,000	Quyết định số 1134/QĐ-SYT, ngày 17/11/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	240	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	Phụ lục hợp đồng số 33-PL/2021/VTYT ngày 22 tháng 11 năm 2021. Của hợp đồng số 33/2021/VTYT ngày 19/10/2021	240	240	57,000	13,680,000
37	V88	N05.02.040	V41	Nhóm 5	Chi Caresorb số 3/0	Chi tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Chất liệu 90% glycolide và 10% L-lactide, cấu trúc đa sợi bện, lớp bao phủ Poly(glycolide-co-lactide)(30:70) và Calcium stearate, duy trì sức căng 75% sau 2 tuần và 50% sau 3 tuần, độ tan 56-70 ngày. Kim thép không rỉ phủ silicon.	H / 36 (tép)	CPT/ Việt Nam	Lá	105,525	KKG-0789-00574	57,000	Quyết định số 1134/QĐ-SYT, ngày 17/11/2021 của Sở Y tế Thanh Hóa	200	Công ty cổ phần thiết bị vật tư y tế Thanh Hóa	Phụ lục hợp đồng số 33-PL/2021/VTYT ngày 22 tháng 11 năm 2021. Của hợp đồng số 33/2021/VTYT ngày 19/10/2021	200	100	57,000	5,700,000

**TỔNG CỘNG: 612,546,000 (Bằng chữ: Sáu trăm mười hai triệu, năm trăm bốn mươi sáu nghìn đồng)**  
**(37 khoản)**